

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2304 /LĐTBXH-KHTC
V/v xây dựng Kế hoạch phát triển
lĩnh vực lao động, người có công
và xã hội năm 2019

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2018

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Bộ yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị tập trung xây dựng kế hoạch phát triển các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2019 theo các mục tiêu, yêu cầu và nội dung cụ thể như sau:

I. VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

1. Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2018 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; so sánh với cùng kỳ năm 2017 và kế hoạch cả năm 2018. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Quyết định số 54/QĐ-LĐTBXH ngày 17/01/2018 của Bộ ban hành Chương trình công tác lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2018 và các văn bản chỉ đạo, điều hành khác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Lãnh đạo Bộ ban hành từ đầu năm 2018 đến nay.

2. Yêu cầu việc đánh giá phải sát thực, đúng thực chất kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong phạm vi cả nước theo lĩnh vực do đơn vị phụ trách; làm nổi bật những kết quả đã đạt được; đồng thời, chỉ ra được những tồn tại, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân trong việc thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm; Dự kiến mức độ hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2018; nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm cần tập trung thực hiện để hoàn thành kế hoạch cả năm.

3. Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018, dự báo xu hướng phát triển, những cơ hội, thách thức đối với sự phát triển của các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành để xác định các giải pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thấp nhất những tác động tiêu cực có thể xảy ra.

4. Cùng với thuyết minh đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2018, yêu cầu các đơn vị tổng hợp đầy đủ số liệu thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách vào Biểu mẫu kèm theo công văn này.

II. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. Yêu cầu trong xây dựng kế hoạch năm 2019

Các đơn vị căn cứ đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2018 nêu trên và mục tiêu tổng quát, các nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 nêu tại Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển lĩnh vực lao động, người có công và xã hội giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1015/QĐ-LĐTBXH ngày 29/7/2016 của Bộ, để xác định mục tiêu chung, các chỉ tiêu cụ thể; các nhiệm vụ chủ yếu, giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2019 thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị.

Việc xây dựng Kế hoạch năm 2019 các lĩnh vực của ngành phải đảm bảo phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước trung hạn 5 năm 2016 - 2020, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và các Chương trình hành động của Chính phủ, kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết của Đảng, của Quốc hội và các Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Khóa XII. Đồng thời, gắn kết với khả năng cân đối nguồn lực, khả năng thực hiện của các cấp để đảm bảo tính khả thi và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Việc xây dựng Kế hoạch năm 2019 các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội phải được triển khai đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống và có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị và các ngành, các cấp; bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong xây dựng kế hoạch và phân bổ nguồn lực, ngân sách; đảm bảo tiến độ, thời gian và biểu mẫu quy định.

Các đơn vị được Bộ giao chủ trì các dự án, hoạt động, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu trình Bộ có văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương lập kế hoạch năm 2019; tổng hợp, đề xuất nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu năm 2019, trong đó dự kiến vốn theo cơ cấu nguồn vốn, theo từng dự án thành phần thuộc chương trình và nhu cầu hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

2. Định hướng nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch năm 2019

2.1. Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 theo Chỉ thị số 13/CT-TTg

Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế, phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước đạt khoảng 6,8%. Chú trọng tăng trưởng chất lượng, bền vững, hiệu quả và sáng tạo; nâng cao năng suất lao động; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển khoa học và công nghệ, phát huy đổi mới, sáng tạo và đẩy mạnh khởi nghiệp nhằm tận dụng các cơ hội phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ

môi trường và cải thiện đời sống nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Cùng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; duy trì môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

2.2. Định hướng nhiệm vụ phát triển các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội

(1). Tập trung đẩy mạnh thực hiện các giải pháp hoàn thiện, phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy chuyển dịch lao động, phân bổ hợp lý lao động; tạo thuận lợi trong việc tuyển dụng và sử dụng lao động của doanh nghiệp; thúc đẩy chuyển dịch lao động, phân bổ hợp lý lao động. Thực hiện các giải pháp tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc giám sát, điều tiết cung - cầu lao động; thực hiện tốt công tác dự báo, khớp nối cung - cầu nhân lực trong cả nước, khu vực và gắn với thị trường lao động quốc tế. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống tổ chức dịch vụ việc làm; tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, thông tin thị trường lao động; đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, tăng tần suất, nâng cao hiệu quả tổ chức sàn giao dịch việc làm tại các địa phương. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giải quyết việc làm gắn với thị trường lao động; thúc đẩy chuyển dịch việc làm khu vực nông thôn theo hướng phi nông nghiệp; chú trọng giải quyết việc làm cho lao động dôi dư từ khu vực nông nghiệp do chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm trong nước, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho nhóm lao động yếu thế, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, lao động là người dân tộc thiểu số, thanh niên nông thôn.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp ổn định và phát triển, mở rộng thị trường lao động ngoài nước, nhất là các thị trường có thu nhập cao, phù hợp với trình độ, kỹ năng của người lao động Việt Nam. Làm tốt công tác tạo nguồn, nhất là lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật đi làm việc ở nước ngoài. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ quyền lợi của người lao động làm việc ở nước ngoài, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh. Quản lý hiệu quả, chặt chẽ công tác đưa lao động Việt nam đi làm việc ở nước ngoài và lao động nước ngoài làm việc ở Việt Nam.

(2). Tổ chức triển khai thực hiện Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với khu vực sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Đổi mới tổ chức thực hiện chính sách pháp luật về lao động, quan hệ lao động, tiền lương; tăng cường hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp trong việc thực hiện chính sách pháp luật về lao động, quan hệ lao động, tiền lương đáp ứng yêu cầu mới và phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng

xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Chủ động theo dõi, nắm bắt phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động, nhằm giảm thiểu các vụ đình công, lãn công của người lao động.

(3). Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; triển khai các giải pháp đồng bộ để mở rộng diện bao phủ, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, khuyến khích người dân tự nguyện tham gia bảo hiểm xã hội... và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm, nhất là các hành vi trốn đóng, nợ đóng bảo hiểm xã hội; các hành vi tiêu cực, gian lận để hưởng chế độ, trực lợi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động.

(4). Tăng cường quản lý nhà nước về công tác an toàn - vệ sinh lao động; xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Tổ chức các hoạt động Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2019; Đối thoại định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động giữa Hội đồng Quốc gia về An toàn, vệ sinh lao động với đại diện giới chủ, đại diện người lao động và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan. Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, người lao động tham gia cải thiện điều kiện và môi trường lao động giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

(5). Tập trung đổi mới, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; ưu tiên đào tạo, đào tạo lại nhân lực đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0 góp phần nâng cao năng suất lao động. Triển khai quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp (sau khi được phê duyệt). Xây dựng hệ thống dự báo nhu cầu đào tạo nghề nghiệp, xác định rõ cơ cấu nghề đào tạo, trình độ đào tạo. Đẩy mạnh thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo lộ trình; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý; xây dựng chuẩn đầu ra các trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và khung trình độ quốc gia. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, huy động các doanh nghiệp tham gia giáo dục nghề nghiệp. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ phát triển đào tạo nghề, đặc biệt là dạy nghề cho lao động nông thôn, lao động tại các vùng khó khăn và các đối tượng chính sách.

(6). Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đã ban hành cho đối tượng người có công. Tiếp tục giải quyết hồ sơ còn tồn đọng về việc công nhận, xác nhận người có công. Chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong

quản lý hồ sơ người có công; từng bước xây dựng ngân hàng dữ liệu gen (ADN) liệt sĩ, thân nhân của liệt sĩ. Mở rộng chi trả chính sách người có công thông qua tổ chức dịch vụ. Huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng.

(7). Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về giảm nghèo bền vững đến năm 2020. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách, chương trình, dự án về giảm nghèo nhằm đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo; tạo điều kiện để người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhất là tại các địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn..., tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh...). Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; trong đó, ưu tiên, tập trung nguồn lực phát triển các vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng khó khăn, thường xuyên bị thiên tai để đảm bảo giảm nghèo bền vững. Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện các chính sách giảm nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều, hướng tới thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, nhất là chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số; đảm bảo người dân tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản bị thiếu hụt, phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước. Thực hiện hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”.

(8). Tổ chức thực hiện hiệu quả, kịp thời các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội. Chú trọng công tác chăm sóc, phát huy người cao tuổi, chăm sóc người khuyết tật. Tiếp tục thực hiện Đề án đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; từng bước hình thành hệ thống cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội chuyên nghiệp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của đối tượng bảo trợ xã hội theo hướng phát hiện sớm, can thiệp, hỗ trợ kịp thời đối tượng cần trợ giúp xã hội; tiếp nhận đối tượng trong trường hợp khẩn cấp, ngắn hạn; hỗ trợ chăm sóc và phục hồi đối tượng tại gia đình, cộng đồng. Huy động mọi nguồn lực xã hội, phát triển các hình thức trợ giúp dựa vào cộng đồng để tạo điều kiện, cơ hội cho các đối tượng yếu thế vượt qua hoàn cảnh, vươn lên hòa nhập cộng đồng. Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện các chính sách trợ giúp xã hội, đề xuất Chính phủ phương thức hỗ trợ theo hướng đảm bảo người dân tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản bị thiếu hụt, phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt công tác hỗ trợ đột xuất, bảo đảm người dân bị thiệt hại khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời.

(9). Đảm bảo triển khai thực hiện tốt quyền trẻ em; triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh để thực hiện ngày càng tốt hơn công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giải pháp phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em. Thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2016 - 2020; chủ động

phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, nhằm tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh cho mọi trẻ em; xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra bạo lực, bạo hành trẻ em; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, bạo hành trẻ em. Tổ chức tốt Tháng hành động vì trẻ em và Diễn đàn trẻ em các cấp. Hỗ trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em vùng nông thôn nghèo, vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước giảm khoảng cách chênh lệch về điều kiện sống giữa các nhóm trẻ em và trẻ em giữa các vùng, miền. Nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi trẻ em.

(10). Thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Nghiên cứu, xây dựng và phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới; tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cử. Tổ chức tốt Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, phấn đấu thu hẹp rõ rệt khoảng cách giới; nâng vị thế của phụ nữ trong một số lĩnh vực, địa bàn trọng điểm có bất bình đẳng giới hoặc nguy cơ có sự mất bình đẳng giới cao.

(11). Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn nghiện hút ma túy; hoàn thiện hệ thống pháp luật về cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm. Đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ điều trị nghiện; hoàn thiện chính sách hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý tại các cơ sở cai nghiện ma túy tập trung; phát triển các mô hình cai nghiện và quản lý sau cai có hiệu quả tại cộng đồng; đổi mới công tác quản lý sau cai nghiện; phát triển mạng lưới các cơ sở điều trị thay thế bằng thuốc Methadone và các phương pháp điều trị khác đáp ứng nhu cầu đa dạng về dịch vụ điều trị nghiện cho người nghiện ma túy ở các địa phương; tăng cường quản lý, tư vấn, trợ giúp người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, phòng, chống tái nghiện.

Tăng cường quản lý địa bàn, không để tệ nạn mại dâm gây bức xúc xã hội; xây dựng, thí điểm các mô hình để từng bước hình thành hệ thống cung cấp dịch vụ hỗ trợ người bán dâm tại cộng đồng trong việc tư vấn tâm lý, pháp lý, sức khỏe, phòng chống HIV/AIDS, giáo dục kỹ năng sống, trợ giúp xã hội nhằm tạo cơ hội cho người bán dâm hòa nhập cộng đồng bền vững. Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán trở về tái hòa nhập cộng đồng.

(12). Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; trọng tâm là hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao chất lượng dịch vụ công. Tập trung cải cách thể chế, thủ tục hành chính, bộ máy hành chính. Thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo hướng tinh gọn, hiệu

quả theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 và Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. Rà soát, sắp xếp và cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp để hoạt động hiệu quả, từng bước triển khai tự chủ ở một số lĩnh vực có điều kiện. Hoàn thành cắt giảm, cắt bỏ và đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh thuộc các lĩnh vực của ngành theo đúng lộ trình.

(13). Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Tập trung thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, trục lợi chính sách; xử lý dứt điểm, làm chuyển biến rõ nét những vấn đề xã hội còn bức xúc, cử tri và Đại biểu Quốc hội quan tâm. Thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, không để tình trạng khiếu kiện kéo dài, vượt cấp. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

(14). Chủ động, tích cực thực hiện các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế theo Chương trình đối ngoại của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chương trình hành động của Chính phủ. Tăng cường vận động, thu hút nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế phục vụ việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Thúc đẩy triển khai các thỏa thuận, biên bản ghi nhớ hợp tác với các nước và mở rộng, ký mới với các nước trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Tăng cường hoạt động thông tin đối ngoại, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hội nhập quốc tế, về các cam kết và thỏa thuận trong ASEAN, song phương, đa phương và các tổ chức phi Chính phủ.

(15). Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả; phổ biến, giải thích chính sách pháp luật về lao động, người có công và xã hội; thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm để doanh nghiệp, người dân hiểu và chia sẻ nhằm tạo sự đồng thuận trong thực thi chính sách, pháp luật.

3. Về đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội

a) Căn cứ Nghị quyết số 142/2016/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Nghị quyết số 24/2016/QH14 về cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 25/2016/QH14 về kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, các đơn vị thực hiện đánh giá kết quả 2 năm 2016-2017 và ước năm 2018 thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực đơn vị quản lý theo Quyết định số 1015/QĐ-LĐTBXH ngày 29/7/2016 của Bộ ban hành kế hoạch phát triển lĩnh vực lao động, người có công và xã hội giai đoạn 2016 - 2020.

b) Căn cứ dự báo tình hình thế giới và trong nước, những cơ hội, thách thức của những năm còn lại của giai đoạn 2016 - 2020, xây dựng các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch phát triển lĩnh vực lao động, người có công và xã hội giai đoạn 2016 - 2020, góp phần hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 đã đề ra.

III. TỜ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì hướng dẫn, phối hợp với các đơn vị xây dựng kế hoạch năm 2019 theo Chỉ thị 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung của toàn ngành, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

2. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng Kế hoạch năm 2019 đúng nội dung hướng dẫn tại công văn này và các biểu mẫu quy định (đã hướng dẫn kèm theo công văn 2884/LĐTĐ-BHXH-KHTC ngày 13/7/2017 về xây dựng kế hoạch phát triển lĩnh vực lao động người có công năm 2018), trình Thủ trưởng phụ trách khối có ý kiến đối với lĩnh vực phụ trách và gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 05/7/2018 để tổng hợp chung trong Kế hoạch của Bộ.

(Để thuận tiện trong quá trình tổng hợp, ngoài bản chính thức, đơn vị gửi một bản điện tử theo địa chỉ e-mail: phongkh@molisa.gov.vn).

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đơn vị phản ánh về Bộ (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính, điện thoại 024.38.269.544/024.39.364.160) để được hướng dẫn thêm. / *M*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



09846334